

Số: 346 /QĐ-SLĐTBXH

Bến Tre, ngày 11 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Văn phòng Sở, các phòng chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KHCN (để theo dõi);
- Lưu: VP, HS ISO.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH BẾN TRE

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với hoạt động của Sở
(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/09/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bến Tre, ngày 11 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Hùng

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 346 /QĐ-SLĐTBXH ngày 11 /12/2023
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre)

Số TT	Tên tài liệu	Ghi chú
	+ Lĩnh vực Lao động Tiền lương - Bảo hiểm xã hội	
1.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-01/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
2.	Thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-02/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
3.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	QT-03/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
4.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	QT-04/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
5.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QT-05/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
6.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-06/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
7.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-07/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
8.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-08/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
9.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-09/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
10.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	QT-10/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
11.	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT-11/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH
12.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao	QT-12/LĐ&GDNN- LĐTL-BHXXH

	động	
13.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-13/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
14.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-14/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
15.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-15/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
16.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	QT-16/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
17.	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	QT-17/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
18.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	QT-18/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
19.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức huấn luyện do Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan Trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	QT-19/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
20.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn	QT-20/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH

	luyện do Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận đủ điều kiện tự huấn luyện do Bộ, ngành, cơ quan Trung ương thành lập)	
21.	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)	QT-21/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
22.	Khai báo với Sở Lao động –Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	QT-22/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
23.	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-23/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
24.	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-24/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
25.	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-25/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
26.	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-26/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
27.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	QT-27/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
28.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	QT-28/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
29.	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	QT-29/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH
30.	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	QT-30/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXXH

31.	Hỗ trợ chi phí kết nối tuyển dụng, đăng thông tin tuyển dụng lao động có trình độ, chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm (lĩnh vực khoa học công nghệ như nghiên cứu, chế tạo, lập trình, công nghệ số...) trong một năm đầu. Tối đa 7.000.000 đồng/năm/ doanh nghiệp.	QT-31/LĐ&GDNN-LĐTL-BHXX
	+ Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
32.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-04/LĐ&GDNN-GDNN
33.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh	QT-05/LĐ&GDNN-GDNN
34.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-06/LĐ&GDNN-GDNN
35.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-07/LĐ&GDNN-GDNN
36.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-08/LĐ&GDNN-GDNN
37.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung	QT-09/LĐ&GDNN-GDNN

	cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
38.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	QT-11/LĐ&GDNN-GDNN
39.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề - nghiệp giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp	QT-14/LĐ&GDNN-GDNN
40.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-15/LĐ&GDNN-GDNN
41.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên Hội đồng trường cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-16/LĐ&GDNN-GDNN
42.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-17/LĐ&GDNN-GDNN
43.	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	QT-18/LĐ&GDNN-GDNN
44.	Công nhận hiệu trưởng Trường trung cấp tư thực	QT-19/LĐ&GDNN-GDNN
45.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.	QT-20/LĐ&GDNN-GDNN
46.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-21/LĐ&GDNN-GDNN
47.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-22/LĐ&GDNN-GDNN
48.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT-24/LĐ&GDNN-GDNN

49.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-25/LĐ&GDNN-GDNN
50.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	QT-26/LĐ&GDNN-GDNN
51.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-27/LĐ&GDNN-GDNN
52.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-28/LĐ&GDNN-GDNN
53.	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-29/LĐ&GDNN-GDNN
54.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-30/LĐ&GDNN-GDNN
55.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-31/LĐ&GDNN-GDNN
56.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-32/LĐ&GDNN-GDNN
57.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	QT-33/LĐ&GDNN-GDNN
58.	Thôi công nhận hiệu trưởng Trường Trung cấp tư thực	QT-34/LĐ&GDNN-GDNN
59.	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-35/LĐ&GDNN-GDNN
	+ Lĩnh vực người có công	
60.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT-01/NCC

61.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT-02/NCC
62.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-03/NCC
63.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-04/NCC
64.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-05/NCC
65.	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT-06/NCC
66.	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	QT-07/NCC
67.	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT-08/NCC
68.	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	QT-09/NCC
69.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-10/NCC
70.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-11/NCC
71.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-12/NCC
72.	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	QT-13/NCC
73.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-14/NCC
74.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-15/NCC
75.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-16/NCC

76.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-17/NCC
77.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt, tù đầy	QT-18/NCC
78.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-19/NCC
79.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-20/NCC
80.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-21/NCC
81.	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	QT-22/NCC
82.	Hưởng lại chế độ ưu đãi	QT-23/NCC
83.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-24/NCC
84.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-25/NCC
85.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT-26/NCC
86.	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	QT-27/NCC
87.	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	QT-28/NCC
88.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-29/NCC
89.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-30/NCC
90.	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	QT-31/NCC
91.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-32/NCC
92.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT-33/NCC

93.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong (TNXP) đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-34/NCC
94.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong (TNXP) đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-35/NCC
95.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm - pu - chia	QT-36/NCC
96.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-37/NCC
97.	Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đã chuyển ra quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	QT-38/NCC
98.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	QT-39/NCC
	+ Lĩnh vực bảo trợ xã hội	
99.	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	QT-02/QLCTXH-BTXH
100.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-03/QLCTXH-BTXH
101.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập	QT-04/QLCTXH-BTXH
102.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-05/QLCTXH-BTXH
103.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-06/QLCTXH-BTXH
104.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	QT-07/QLCTXH-BTXH
105.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	QT-08/QLCTXH-BTXH
106.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	QT-09/QLCTXH-BTXH
107.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào Trung tâm bảo trợ trẻ em	QT-10/QLCTXH-BTXH
108.	Xét, cấp học bổng chính sách	QT-11/QLCTXH-

		BTXH
	+ Lĩnh vực Phòng, chống Tệ nạn xã hội	
109.	Cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-01/QLCTXH-TNXH
110.	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-02/QLCTXH-TNXH
111.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-03/QLCTXH-TNXH
112.	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-04/QLCTXH-TNXH
113.	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-05/QLCTXH-TNXH
114.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-06/QLCTXH-TNXH
115.	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-07/QLCTXH-TNXH
116.	Chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-08/QLCTXH-TNXH
	+ Lĩnh vực Thanh tra	
117.	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	QT-01/TT
118.	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	QT-02/TT
	+ Lĩnh vực Tổ chức cán bộ	
119.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.	QT-01/VP-TCCB